

Bản án số: 620/2023/HS-PT

Ngày: 22-12-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tấn Hoàng**

Bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 576/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1975 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKNKTT: Tổ D, KP. Trần Cao V, TT. D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: 106 T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H (Chết) và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1947; vợ: Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm: 1976 (đã ly hôn), con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2022, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Hồ K, Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; Địa chỉ: B N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ đầu năm 2022, Nguyễn Văn T với chị Võ Thị Thanh T1 tìm hiểu và có quan hệ tình cảm. Đến tháng 5/2022, T chuyển từ KP. Trần Cao V, TT. D, huyện T, tỉnh Đồng Nai đến nhà của chị T1 ở số A T, P. Q, TP ., tỉnh Bình Định sống

chung như vợ chồng với chị T1. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 22/11/2022, T điều khiển xe ô tô chở chị T1 đến Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh tỉnh B - Phòng G (Địa chỉ: D N, TP .) để chị T1 rút tiền vay 700.000.000 đồng của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 308/NHNT-BĐ ngày 30/5/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP N với chị T1. Khi về nhà, chị T1 cất số tiền 700.000.000 đồng vào tủ gỗ đặt ở phòng ngủ tầng 2, còn chìa khóa tủ gỗ chị T1 cất trong tủ quần áo. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi chị T1 đi thu tiền thuế thì T nảy sinh ý định trộm cắp số tiền 700.000.000 đồng mà chị T1 vay Ngân hàng. Thoại lên lút lấy chìa khóa mở tủ gỗ thì thấy bên trong tủ có số tiền 700.000.000 đồng và 01 hộp kim loại (màu xám, hình tròn) chứa 05 loại trang sức gồm 01 sợi dây chuyền bằng kim loại (màu vàng, dài 50cm, gồm các hạt hình cầu đường kính 0,6cm và các hình cầu đường kính 0,3cm liên kết so le với nhau bằng sợi dây kim loại màu vàng), 01 vòng đeo tay bằng kim loại (màu vàng, đường kính 5,5cm (đã bị gãy), có mắt xích hình hoa văn dạng sóng, trên có đính các hạt chất màu trắng), 01 vòng đeo tay bằng kim loại (màu vàng, đường kính 5,0cm; trên có các lỗ hình hoa văn dạng lá và có đính các hạt chất màu trắng và 01 (một) hạt chất hình cầu màu trắng, đường kính 1 cm), 01 mặt dây chuyền bằng kim loại (màu vàng hình bông hoa năm cánh, trên có đính các hạt chất màu trắng), 01 mặt dây chuyền bằng kim loại (màu trắng hình tròn, đường kính 4cm, trên có hoa văn hình “JC” lồng vào nhau, trên có đính các hạt chất màu trắng) của chị T1 nên cất giấu vào túi xách nhãn hiệu “Vstyle” màu đen, đồng thời T cũng lấy một số bộ quần áo bỏ vào túi xách, rồi điều khiển xe mô tô BKS 60B7 - 090.79 mang theo túi xách hiệu “Vstyle” màu đen chạy ra QL1D đón xe khách bỏ trốn đến xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Tài sản chiếm đoạt T sử dụng mua 01 điện thoại hiệu Masstel loại IZI10, 01 sim điện thoại số 0868690479 và một số đồ dùng cá nhân hết 5.000.000 đồng, làm mất 15.000.000 đồng. Đến sáng ngày 24/11/2022, T đến Công an T3 đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi hành vi phạm tội và giao nộp số tài sản chiếm đoạt còn lại.

- Tại Bản kết luận giám định số: 1944/KL-KTHS ngày 04/01/2023 của Phân viện KTHS tại TP ., kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại, màu vàng, dài 50cm, gồm các hạt hình cầu đường kính 0,6cm và các hình cầu đường kính 0,3cm liên kết so le với nhau bằng sợi dây kim loại màu vàng là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 60,4%; kẽm là 39,6%; khối lượng mẫu là 44,89gam.

+ 01 vòng đeo tay bằng kim loại, màu vàng, đường kính 5,5cm (đã bị gãy), có mắt xích hình hoa văn dạng sóng, trên có đính các hạt chất màu trắng là hợp kim của đồng (Cu), C (P) và niken (Ni); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 58,9%, chì là 37,6%, niken là 3,5%; tổng khối lượng mẫu là 19,14gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

+ 01 vòng đeo tay bằng kim loại, màu vàng, đường kính 5,0cm; trên có các lỗ hình hoa văn dạng lá và có đính các hạt chất màu trắng và 01 (một) hạt chất hình cầu màu trắng, đường kính 1 cm là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 62,3%; kẽm là 37,7%; tổng khối lượng mẫu

là 23,43gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng và hạt hình cầu màu trắng).

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu vàng hình bông hoa năm cánh, trên có đính các hạt chất màu trắng là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Z) và niken (Ni); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 85,3%, kẽm là 13,0%, niken là 1,7%; tổng khối lượng mẫu là 1 1,57gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

+ 01 mặt dây chuyền bằng kim loại, màu trắng hình tròn, đường kính 4cm, trên có hoa văn hình “JC” lồng vào nhau, trên có đính các hạt chất màu trắng là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 60,4%; kẽm là 39,6%; tổng khối lượng mẫu là 14,15gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng).

Hiện nay, Phân viện Khoa học hình sự tại TP . (C) chưa đủ điều kiện để giám định đá quý.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 04/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bình Định, kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 60,4%; kẽm là 39,6%; khối lượng mẫu là 44,89 gam, có giá trị là 512.165 đồng.

+ 01 vòng đeo tay là hợp kim của đồng (Cu), C (P) và niken (Ni); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 58,9%, chì là 37,6%, niken là 3,5%; tổng khối lượng mẫu là 19,14gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng), có giá trị là 408.206 đồng.

+ 01 vòng đeo tay là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 62,3%; kẽm là 37,7%; tổng khối lượng mẫu là 23,43gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng và hạt hình cầu màu trắng), có giá trị là 406.461 đồng.

+ 01 mặt dây chuyền là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Z) và niken (Ni); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 85,3%, kẽm là 13,0%, niken là 1,7%; tổng khối lượng mẫu là 11,57gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng), có giá trị là 303.928 đồng.

+ 01 mặt dây chuyền là hợp kim của đồng (Cu) và kẽm (Zn); hàm lượng từng kim loại như sau: đồng là 60,4%; kẽm là 39,6%; tổng khối lượng mẫu là 14,15gam (tính cả khối lượng các hạt chất màu trắng), có giá trị là 303.825 đồng.

Tổng cộng: 1.934.595 đồng làm tròn số: 1.935.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ gồm số tiền 680.000.000 đồng, 01 hộp kim loại (màu xám, hình tròn) bên trong chứa 05 loại trang sức, 01 túi xách nhãn hiệu “Vstyle” màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Masstel loại IZI10 (màu Đen - Đỏ) gắn thẻ sim số 0868690479. Đã trả lại cho chị T1 số tiền 680.000.000 đồng, 01 hộp kim loại (màu xám, hình tròn) bên trong chứa 05 loại trang sức.

Về dân sự: Chị T1 không yêu cầu bồi thường gì về dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 77/2023/HS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 8 (T2) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo và người bào chữa cho bị cáo có gửi luận cứ, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyễn Văn T với chị Võ Thị Thanh T1 có quan hệ tình cảm với nhau. Vào ngày 22/11/2022, tại nhà chị Võ Thị Thanh T1 ở số A T, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định, Nguyễn Văn T lợi dụng lúc chị T1 vắng nhà, đã lén lút lấy chìa khóa mở tủ gỗ lấy 700.000.000 đồng và 01 hộp kim loại (màu xám, hình tròn) chứa 05 loại trang sức gồm 01 sợi dây chuyền bằng kim loại. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt là 701.935.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã thực hiện hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, lén lút chiếm đoạt với số tiền là 701.935.000 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ

thẩm xác định bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thì thấy:

Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, thành khẩn khai báo và đã nộp khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 680.000.000 đồng và 05 món nữ trang mà bị cáo lấy trộm, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 8 năm tù là phù hợp, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay xét không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 8 (T2) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2022.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan THAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp